

THỰC TRẠNG ĐỘNG CƠ HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN KHỐI NGÀNH XÃ HỘI, TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN¹

 NGUYỄN THỊ MINH THÚY*

Ngày nhận: 17/10/2019

Ngày phản biện: 28/11/2019

Ngày duyệt đăng: 25/12/2019

Tóm tắt: Động cơ học tập là một trong những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả học tập của sinh viên nói chung và sinh viên khối ngành xã hội nói riêng. Động cơ học tập không phải tự nhiên có mà được hình thành thông qua nhu cầu của bản thân sinh viên và xã hội. Qua bài viết này, tác giả muốn tập trung phân tích về thực trạng động cơ học tập của sinh viên khối ngành xã hội, Trường Đại học Công đoàn với mong muốn tìm hiểu, xem xét những động cơ nào tác động mạnh nhất đến hoạt động học tập của sinh viên khối ngành xã hội, Trường Đại học Công đoàn hiện nay.

Từ khóa: Động cơ học tập, sinh viên khối ngành xã hội.

THE REALITY OF LEARNING MOTIVATION OF STUDENTS MAJORING IN SOCIAL STUDIES AT TRADE UNION UNIVERSITY

Abstract: Learning motivation is one of the factors that directly affect the academic results of students in general and students of social studies in particular. Motivation for learning is not natural to obtain, it is formed through the needs of students and society. In this article, the author wants to focus on analyzing the reality of learning motivation of students majoring in Social Studies at Trade Union University with the desire to get to know and consider the most influential motivations for learning activities of students majoring in Social Studies at Trade Union University today.

Keywords: Motivation for learning, social student.

1. Đặt vấn đề

Với mỗi quốc gia, chiến lược về phát triển giáo dục và đào tạo luôn được coi là vấn đề then chốt, đặc biệt trong bối cảnh khoa học công nghệ phát triển mạnh mẽ như hiện nay. Trong giáo dục bậc đại học, để nâng cao chất lượng học tập của sinh viên, cần tìm hiểu về hoạt động học tập nghề nghiệp chuyên môn, bởi đây là hoạt động giữ vai trò chủ đạo. Nói cách khác, cần trả lời câu hỏi: hoạt động học tập của sinh viên được thúc đẩy bởi động cơ nào? Thực tế sinh viên Trường Đại học Công đoàn hiện nay nói chung và sinh viên khối ngành xã hội nói riêng cho thấy, có một bộ phận không nhỏ sinh viên chưa xác định rõ ràng mục đích, động cơ học tập để làm gì, dẫn đến khả năng học tập của họ có sự phân hóa rõ rệt. Điều này có thể ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả học tập của sinh viên cũng như mục tiêu đào tạo của Khoa và của Nhà trường. Vì vậy, qua bài viết này, tác giả muốn phản ánh “Động cơ học tập của sinh viên khối ngành xã hội, Trường Đại học Công đoàn

hiện nay”, giúp các nhà giáo dục hiểu rõ hơn về sinh viên nói chung và sinh viên khối ngành xã hội nói riêng.

Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp phân tích các tài liệu thống kê, kết hợp với phương pháp quan sát, phương pháp trưng cầu ý kiến bằng bảng hỏi (với 200 phiếu điều tra đối tượng nghiên cứu) và phỏng vấn sâu sinh viên khối ngành xã hội của Trường (gồm sinh viên 4 khóa thuộc 3 khoa: Xã hội học, Công tác xã hội và Luật), nhằm tìm hiểu thực trạng động cơ học tập của sinh viên khối ngành xã hội, Trường Đại học Công đoàn hiện nay, trong đó xem xét những động cơ học tập xuất phát từ phía bản thân sinh viên (*yếu tố bên trong*), động cơ học tập xuất phát từ phía gia đình và xã hội (*yếu tố bên ngoài*).

* Trường Đại học Công đoàn

¹ Bài viết dựa trên kết quả của đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở “Động cơ học tập của sinh viên khối ngành xã hội, Trường ĐHCĐ hiện nay” năm học 2018-2019 do tác giả làm chủ nhiệm.

2. Thực trạng động cơ học tập của sinh viên khối ngành xã hội, Trường Đại học Công đoàn hiện nay

2.1. Động cơ học tập xuất phát từ bản thân sinh viên

Các nhà xã hội học đã chỉ ra rằng, con người là những sinh vật có ý thức, hành động của họ là hành động có động cơ, có chủ đích. Nhưng những động cơ này được chi phối bởi những chuẩn mực, giá trị mà con người liên kết trong nhóm, các tầng, các cộng đồng xã hội tạo ra. Khi con người thuộc những tầng xã hội, những cộng đồng, nhóm xã hội khác nhau sẽ có những giá trị khác nhau và từ đó tạo ra những động cơ của hành động khác nhau.

Theo tác giả Leonchiep - nhà Tâm lý học người Nga, thì “động cơ là cái thúc đẩy hành động, gắn liền với nhu cầu của chủ thể, là toàn bộ những điều kiện bên trong và bên ngoài có khả năng khơi dậy tính tích cực của chủ thể và xác định tính xu hướng của nó”²; đối tượng (vật chất hay tinh thần) thúc đẩy và xác định sự lựa chọn xu hướng của hành động mà vì nó hành động được thực hiện.

Theo tác giả Phan Trọng Ngọ thì: động cơ học tập của sinh viên là cái mà việc học của họ phải đạt được để thỏa mãn nhu cầu của mình³. Nói ngắn gọn, sinh viên học vì cái gì thì cái đó chính là động cơ học tập của họ.

Nhận thức được tầm quan trọng của động cơ học tập của sinh viên, chúng tôi đã tiến hành khảo sát sinh viên thuộc khối ngành xã hội của Trường Đại học Công đoàn để có những cái nhìn đúng về động cơ học tập của sinh viên hiện nay.

Trong nội dung này, động cơ học tập vì bản thân của sinh viên được thể hiện ở hai nội dung cơ bản: động cơ học tập vì những giá trị của bản thân (giá trị về sự hiểu biết, nhận thức, trình độ, bằng cấp, không muốn thua kém bạn bè...); động cơ học tập vì những lợi ích trong tương lai của bản thân sinh viên (việc làm, thu nhập,...)

Thứ nhất, động cơ học tập vì những giá trị của bản thân (giá trị về sự hiểu biết, nhận thức, trình độ, bằng cấp, không muốn thua kém bạn bè...)

Bảng 1. Động cơ học tập vì những giá trị của bản thân

TT	Động cơ học tập	Tần suất	Tỷ lệ %
1	Để có kiến thức	115	58,1
2	Nâng cao trình độ bản thân	108	54,5
3	Thực hiện ước mơ của bản thân	80	40,4
4	Có bằng cấp	115	58,0
5	Không muốn thua kém bạn bè	39	19,7

(Nguồn: Số liệu khảo sát năm 2018)

Với câu hỏi: Bạn mong muốn gì khi quyết định theo học đại học? (chọn 3 phương án mà bạn cho là đúng nhất với bản thân). Với các phương án trả lời: 1) Để có kiến thức; 2) Nâng cao trình độ của bản thân; 3) Thực hiện ước mơ của bản thân; 4) Có bằng cấp; 5) Không muốn thua kém bạn bè; 6) Khác. Kết quả khảo sát cho thấy như *bảng 1*.

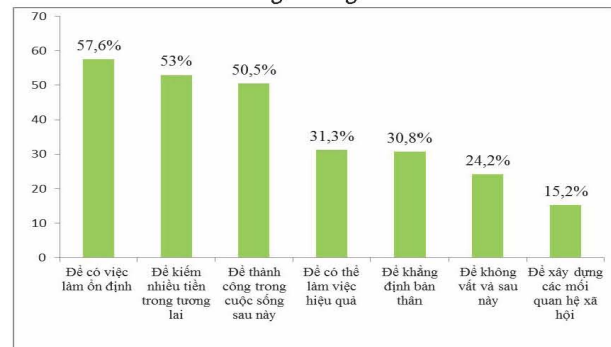
Số liệu thống kê cho thấy, động cơ học tập của sinh viên khối ngành xã hội phần lớn là vì chính bản thân sinh viên, giá trị mà sinh viên theo đuổi đó là trở thành người có tri thức, hiểu biết (58,1%), nâng cao trình độ bản thân (54,5%); Việt Nam vẫn là một xã hội truyền thống trọng bằng cấp, nên việc sinh viên lựa chọn học để có bằng cấp là ưu tiên số 2 trong những lựa chọn trên, chiếm 58%.

“Em xác định học đại học trước hết là để bản thân mình trở thành người có học, có hiểu biết. Bây giờ phổ cập đến cấp 3 rồi, nếu chỉ học hết cấp 3 thì mới chỉ là hết phổ cập giáo dục mà thôi, cho nên học đại học là cần thiết. Em cảm thấy chỉ học hết cấp 3 là không đủ, bản thân mình có hiểu biết có tri thức thì mình mới có thể tự tin được, chứ đi đâu người ta hỏi mà mình chỉ học hết cấp 3 thì cũng xấu hổ lắm” (SV XHH, năm 1, Nữ).

Thứ hai, bên cạnh mục tiêu học tập vì những giá trị của bản thân, sinh viên còn hướng đến những mục tiêu khác, đó là tính đến những cơ hội và lợi ích trong tương lai mà việc học đại học có thể mang lại.

Khi tìm hiểu về mong muốn của sinh viên khối ngành xã hội của trường sau khi tốt nghiệp đại học, có những ý kiến rất khác nhau; có việc làm ổn định, để kiếm nhiều tiền trong tương lai, hoặc để khẳng định bản thân, để có mối quan hệ xã hội tốt... Kết quả cụ thể như sau:

Biểu đồ 1. Động cơ học tập vì những mong muốn trong tương lai



(Nguồn: Số liệu khảo sát năm 2018)

² GS.TS Vũ Dũng chủ biên, Từ điển Tâm lý học - Viện Tâm lý học - Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, NXB Từ điển Bách khoa, 2008.

³ Trích theo Phan Trọng Ngọ, 2005.

Kết quả khảo sát cho thấy, động cơ học tập của sinh viên để sau khi học xong có việc làm ổn định chiếm tỉ lệ cao nhất (57,6%), sau đó đến động cơ học đại học để thành công trong cuộc sống sau này (50,5%); động cơ học để xây dựng các mối quan hệ xã hội chiếm tỉ lệ thấp nhất (15,2%).

Trong khảo sát này, có một yếu tố cần quan tâm, đó là tỉ lệ sinh viên cho rằng học xong đại học có thể làm việc hiệu quả chỉ chiếm 31,3%. Kết quả định tính lý giải về vấn đề này cho thấy, sinh viên không thật sự cho rằng học đại học và việc có công việc tốt sau khi tốt nghiệp có mối quan hệ biện chứng với nhau. *“Học đại học chúng em chỉ học kiến thức nền tảng thôi, còn để sau này làm được việc chúng em cần học thêm nhiều kĩ năng khác nhau. Có phải ai học giỏi luật cũng ra làm luật giỏi được ạ”* (SV Luật, năm 3, Nam). *“Em cũng hỏi kinh nghiệm của các anh chị khóa trước, học tại trường cứ cố gắng học tốt thôi, chứ ra trường đi làm thực tế cần thêm nhiều kĩ năng mà mình cần tự học hỏi thêm”* (SV CTXH, năm 4, Nữ).

Tóm lại, đối với sinh viên khối ngành xã hội của Trường Đại học Công đoàn hiện nay, động cơ học tập của họ xuất phát từ chính bản thân với những mong muốn về việc học tập sẽ mang lại cho họ những kiến thức, sự hiểu biết, nâng cao được trình độ nhận thức của bản thân, và giá trị này thể hiện rõ nét hơn cả ở sinh viên khối ngành Luật. Đối với những động cơ học tập vì những mục đích cho tương lai, thì nữ giới dường như đặt nhiều hy vọng hơn nam giới về việc có một công việc ổn định, không vất vả trong tương lai trong khi việc tạo dựng những mối quan hệ xã hội trong tương lai, khẳng định bản thân hoặc thành công trong sự nghiệp dường như quan trọng hơn đối với sinh viên nam.

2.2. Động cơ học tập xuất phát từ gia đình

Gia đình là môi trường rất quan trọng, có vai trò định hướng hành vi, hành động của mỗi cá nhân. Trong mỗi gia đình đều có một tiểu văn hóa, tiểu văn hóa này được xây dựng trên nền tảng văn hóa chung, nhưng nó lại có những đặc thù riêng của từng gia đình - tiểu văn hóa này được tạo thành bởi nền giáo dục gia đình, truyền thống gia đình, lối sống gia đình,... Gia đình sẽ đóng vai trò góp phần giúp sinh viên trả lời câu hỏi: học nghề gì và làm nghề gì để kiếm sống (vai trò định hướng nghề nghiệp); sống theo lối sống nào (định hướng giá trị) và định hướng hôn nhân;... Đây chính là cơ sở quan trọng để cho chúng ta thấy, sinh viên vừa là cá nhân tham gia

vào môi trường học đường nhưng cũng là thành viên của gia đình, động cơ học tập của sinh viên khối ngành xã hội vì thế cũng không thể chỉ vì chính bản thân họ mà còn xuất phát từ phía gia đình của sinh viên.

Bảng 2. Động cơ học tập xuất phát từ gia đình

Động cơ học tập	Số lượng	Tỷ lệ %
Đền đáp công ơn cha mẹ	106	53,5
Giúp đỡ kinh tế cho gia đình sau này	140	70,7
Để gia đình được tự hào	81	40,9
Để làm gương cho các em	51	25,8
Không muốn cha mẹ thất vọng	61	30,8

(Nguồn: Số liệu khảo sát năm 2018)

Với động cơ học để giúp đỡ kinh tế cho gia đình sau này, có đến 70,7% sinh viên chọn là ưu tiên thứ nhất. Điều này cũng cho thấy, quan điểm chung sinh viên cho rằng học vẫn là con đường rất quan trọng trong việc nâng cao kinh tế gia đình và bản thân sinh viên. *“Gia đình em bố mẹ làm nông nghiệp, cả nhà em có mỗi em đỗ đại học nên bố mẹ em đã bắt em phải cố gắng học tập tốt để sau này phụ giúp kinh tế cho gia đình, chứ bố mẹ em cũng không muốn em giống ông bà chỉ làm ruộng, thu nhập không nhiều”* (SV CTXH, năm 3, Nam).

Với động cơ học tập để đền đáp công ơn cha mẹ, tỉ lệ sinh viên chọn là 53,5%; đây được coi là động cơ xếp thứ 2 trong những động cơ học tập xuất phát từ phía gia đình của sinh viên, động cơ học để gia đình được tự hào, và để làm gương cho các em xếp thứ 3 và thứ 4. Nhiều sinh viên, động lực học tập của họ ban đầu xuất phát từ phía gia đình, nhưng trên con đường học tập của mình, động lực đó được bồi đắp và phát triển khiến cho kết quả học tập của sinh viên trở lên tốt hơn. *“Em là con cả trong gia đình, lúc nào bố mẹ em cũng nói em phải học tập tốt, phải học đại học để làm gương cho các em, vậy nên lúc nào em cũng phải cố gắng mình lên học đấy ạ”* (SV Luật, năm 2, Nữ).

Có thể thấy việc có động cơ học tập tốt, vì gia đình cha mẹ đã thúc đẩy sinh viên vươn lên trong học tập, với thành tích cụ thể là không thi lại hay nợ môn nào. *“mẹ em thi thoảng lại hỏi thế có thi lại với học lại không, em ngại lắm nếu trả lời là có, vì xấu hổ nên em cố gắng để không nợ môn nào, mấy kỳ đầu do không có kinh nghiệm nên em hay bị trượt mấy môn toán hay tiếng anh, nhưng hiện nay em đã trả nợ hết môn rồi. Cố gắng ra trường đúng hạn không thi bố mẹ em buồn lắm”* (SV XHH, năm 3, Nam).

Tóm lại, động cơ học tập xuất phát từ phía gia

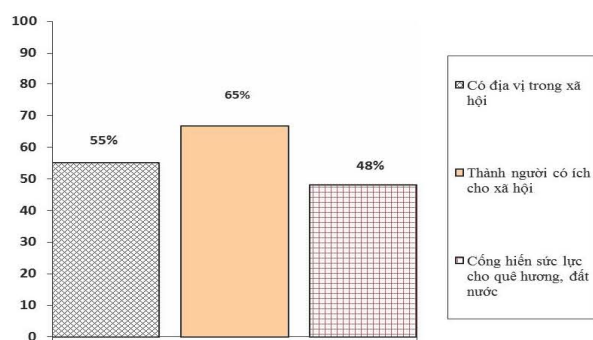
định của sinh viên khối ngành xã hội của Trường, tuy đơn giản nhưng nói lên suy nghĩ rất nghiêm túc của sinh viên. Qua đó cho thấy, sinh viên nhìn nhận vấn đề học tập ở cả hiện tại và tương lai, những gì làm được và sẽ phải làm để hiện thực hóa những động cơ đó. Sinh viên cũng hiểu rằng, với nền tảng học vấn vững chắc thì sẽ có công việc ổn định với mức lương khá cao, khi đó sẽ giúp đỡ được cho kinh tế của gia đình, đồng thời cũng đền đáp công ơn của cha mẹ vất vả nuôi mình học hành; khi đó địa vị xã hội của sinh viên được nâng cao sẽ trở thành niềm tự hào cho chính sinh viên và gia đình họ.

2.3. Động cơ học tập xuất phát từ xã hội

Bên cạnh những động cơ học tập xuất phát từ gia đình và chính bản thân sinh viên, cũng có những động cơ học tập bắt nguồn từ xã hội. Mỗi cá nhân bên cạnh những môi trường xã hội hóa trong gia đình hay nhà trường, thì trong quá trình phát triển và tồn tại, con người cũng luôn trải qua quá trình sống trong nhiều môi trường khác nhau, chịu tác động của nhiều yếu tố khác nhau. Trong cuộc đời của chính mình, mỗi con người không chỉ tiếp xúc với những thành viên trong gia đình, mà còn tiếp xúc với những người khác; nói cách khác, là con người trải qua nhiều mối quan hệ xã hội khác nhau. Quá trình tiếp xúc với những mối quan hệ khác nhau này sẽ tác động, ảnh hưởng đến suy nghĩ và định hướng của từng người.

Trong quá trình học tập, việc chọn lựa ngành học; hay động cơ học tập của sinh viên, cũng đã chịu những tác động từ phía xã hội. Vậy thì, với động lực học tập xuất phát từ phía xã hội, sinh viên đã có những mong ước gì cho tương lai bản thân để tiếp tục kiên trì phấn đấu trong quá trình học tập tại trường?

Biểu đồ 2. Động cơ học tập xuất phát từ xã hội



(Nguồn: Kết quả điều tra năm 2018)

Qua biểu đồ tìm hiểu về mong muốn tương lai sẽ thành người như thế nào của sinh viên, ta đã thấy được phần nào suy nghĩ của họ. Đối với câu hỏi này,

phương án được nhiều sinh viên đồng tình nhất là phương án “Trở thành người có ích cho xã hội”, với 132 bạn lựa chọn (với tỷ lệ 65%). Tiếp sau đó là phương án mong muốn trở thành người “Có địa vị trong xã hội” với 109 sự lựa chọn (tỷ lệ 55,1%). Cuối cùng là phương án “Cống hiến sức lực cho quê hương, đất nước” có 92 bạn sinh viên (chiếm tỷ lệ 48%) chọn lựa.

Đa số sinh viên đều có suy nghĩ và mong muốn sau này sẽ trở thành người có ích cho xã hội; hoặc bản thân mình sẽ có thể cống hiến sức lực để làm được một điều gì đó giúp cho quê hương, đất nước. Điều này chứng tỏ được rằng, sinh viên thuộc khối ngành xã hội Trường Đại học Công đoàn trong quá trình học tập cũng đã xác định những động cơ để hướng đến xã hội, đất nước chứ không chỉ hướng đến cá nhân mình.

Đây là một khía cạnh thể hiện tư tưởng và suy nghĩ tích cực của các sinh viên thuộc khối ngành xã hội của Trường Đại học Công đoàn hiện nay. Khi mà sinh viên lựa chọn tiếp tục việc học đại học, lựa chọn khối ngành của bản thân không đơn thuần chỉ để phục vụ cho những động cơ cá nhân của bản thân như để có việc làm ổn định, kiếm được nhiều tiền... hay để cho gia đình được tự hào...; mà đã mở rộng ra và hướng tới việc đem những điều tốt đẹp đến cho xã hội. Đây cũng được coi là sự thể hiện sinh viên hiện nay đang dần trở thành những con người văn minh - những con người không chỉ suy nghĩ cho bản thân, mà còn biết suy nghĩ và quan tâm đến những người khác cùng chung sống trong xã hội. Mặt khác, sinh viên đã có ý thức và hiểu được rằng, một con người không thể tồn tại đơn lẻ trong xã hội này. Xã hội tạo cho các cá nhân những môi trường để sống, để phát triển những khả năng của bản thân. Nhưng ngược lại, các cá nhân trong xã hội này cũng cần xác định rõ trách nhiệm của bản thân đối với xã hội, cần đem lại những giá trị tích cực cho xã hội hiện nay; giúp cho xã hội, quê hương, đất nước ngày càng phát triển giàu đẹp hơn.

Tóm lại, trong quá trình học tập tại Trường Đại học Công đoàn, sinh viên đã xác định động cơ, mong muốn cho bản thân sau khi tốt nghiệp sẽ trở thành người như thế nào? Sẽ trở thành người cống hiến sức lực cho xã hội, hay trở thành người có địa vị trong xã hội? Có thể, động cơ học tập xuất phát từ xã hội không phải là động cơ học tập chính của sinh viên, cũng không phải là động cơ trực tiếp. Nhưng rõ ràng rằng chúng ta cũng không thể phủ nhận được những ảnh hưởng và tác động của nó đến quá trình học tập của sinh viên khối ngành xã hội, Trường Đại học Công đoàn.

Qua những số liệu thu thập được, chúng ta nhận thấy rằng những động cơ xuất phát từ phía xã hội không phải là những lí do chủ yếu để giải thích cho việc lựa chọn ngành học của sinh viên. Tuy nhiên, vẫn có những trường hợp sinh viên lựa chọn ngành học từ những động cơ từ bên ngoài này.

Giữa sinh viên của các khối ngành xã hội, liệu rằng đối với những ngành khác nhau thì sinh viên cũng có sự khác nhau trong chọn lựa do động cơ từ xã hội hay không? Với mỗi chỉ báo về động cơ, sinh viên các ngành học khác nhau sẽ có lựa chọn như thế nào?

Bảng 3. Mối liên hệ giữa việc lựa chọn ngành học với sinh viên các khối ngành khoa học xã hội

	Luật (N = 84)		CTXH (N = 56)		XHH (N = 55)	
	SL	Tỷ lệ %	SL	Tỷ lệ %	SL	Tỷ lệ %
Do nghe người khác tư vấn	21	25	11	19.6	9	16.3
Do bạn bè rủ rê	4	4.7	2	3.5	4	7.2
Do không đủ điểm ở những nguyện vọng khác	9	10.7	3	5.3	23	41.8
Tổng	34	40.4	16	28.5	36	65.4

(Nguồn: Kết quả điều tra năm 2018)

Đối với lí do nghe người khác tư vấn, trong số 3 khoa thì tỷ lệ sinh viên khoa luật lựa chọn là nhiều nhất, có 21 sinh viên (chiếm 25%) lựa chọn; tiếp theo là sinh viên khoa công tác xã hội (19.64%) và cuối cùng là sinh viên khoa Xã hội học (16.36%). Điều này thể hiện rằng những tư vấn của người ngoài gia đình về ngành học, hay công việc sau này... cũng có tác động và ảnh hưởng đến việc sinh viên chọn lựa ngành học ra sao. Đối với lí do bạn bè rủ rê, có 7,27% sinh viên khoa Xã hội học lựa chọn. Sau đó là sinh viên khoa Luật với 4,76%. Cuối cùng là sinh viên khoa Công tác xã hội với 3,57%. Nhìn chung trong số những lí do lựa chọn ngành học xuất phát từ phía xã hội, thì lí do này nhận được ít sự đồng ý từ sinh viên nhất. Điều này thể hiện được rằng sinh viên khi đứng trước sự lựa chọn về ngành học cũng đã có những sự xác định cho tương lai của bản thân mình một cách rõ ràng chứ không phải chỉ đơn thuần vì ham vui, nghe theo lời của bạn bè rủ vào học chung.

Một vài nhận xét

Có thể chia động cơ học tập thành 2 loại (*động cơ bên trong và động cơ bên ngoài*). Động cơ bên trong (*nội lực*) là động cơ xuất phát từ phía bản thân sinh viên, là nhu cầu, sự hiểu biết, niềm tin của người học đến đối tượng đích thực của hoạt

động học tập, là mong muốn khao khát chiếm lĩnh, mở rộng tri thức, say mê với việc học tập. Loại động cơ này giúp người học luôn nỗ lực ý chí, khắc phục trở ngại từ bên ngoài, đồng thời, giúp sinh viên duy trì hứng thú và ham muốn học hỏi, tìm tòi, vượt qua những trở ngại khó khăn để đạt được những mục tiêu trong học tập. Kết quả khảo sát này cho thấy, đối với sinh viên khối ngành xã hội của Trường Đại học Công đoàn hiện nay, động cơ học tập của họ xuất phát từ chính bản thân với những mong muốn về việc học tập sẽ mang lại cho họ những kiến thức, sự hiểu biết, nâng cao được trình độ nhận thức của bản thân, và giá trị này thể hiện rõ nét hơn cả ở sinh viên ngành Luật. Đối với những động cơ học tập vì những mục đích cho tương lai, thì nữ giới dường như đặt nhiều hy vọng hơn nam giới về việc có một công việc ổn định, không vất vả trong tương lai trong khi việc tạo dựng những mối quan hệ xã hội trong tương lai, khẳng định bản thân hoặc thành công trong sự nghiệp dường như quan trọng hơn đối với sinh viên nam. Những sinh viên xác định động cơ nhằm hướng đến những giá trị về sự hiểu biết, nâng cao được trình độ đã thúc đẩy sinh viên có kết quả học tập tốt hơn.

Động cơ bên ngoài là loại động cơ chỉ những tác động từ bên ngoài lên hoạt động học tập của sinh viên như: Đáp ứng mong đợi của cha mẹ, lòng hiếu danh, sự khâm phục của bạn bè, vì sự thành đạt, có vị trí trong xã hội... những động cơ này góp phần vào việc kích thích, tạo hứng thú và nhu cầu cho người học tiếp thu tri thức, kỹ năng trong quá trình học tập. Sinh viên tin rằng với nền tảng kiến thức và học vấn vững chắc thì sẽ có công việc ổn định với mức lương khá cao, khi đó sẽ giúp đỡ được cho kinh tế của gia đình, đồng thời cũng đến đáp công ơn của cha mẹ vất vả nuôi mình học hành; khi đó địa vị xã hội của sinh viên được nâng cao sẽ trở thành niềm tự hào cho chính sinh viên và gia đình họ.

Từ thực trạng trên, tác giả mạnh dạn đưa ra một vài khuyến nghị để hoạt động học tập của sinh viên đạt kết quả cao.

Về phía Nhà trường: Đưa ra nhiều hình thức khen thưởng để động viên sinh viên; thay đổi/ cập nhật chương trình đào tạo để phù hợp với thực tiễn và nhu cầu của xã hội trong từng giai đoạn; Hỗ trợ tìm việc làm cho sinh viên qua việc tổ chức nhiều chương trình tư vấn việc làm giúp sinh viên hiểu hơn về nhu cầu xã hội, từ đó tăng cường động cơ học tập hơn nữa.

(Xem tiếp trang 27)

- 1957年9月5日在全总党组扩大会议上的报告 (Báo cáo về một số vấn đề trong công tác công đoàn hiện nay: ngày 5 tháng 9 năm 1957 tại cuộc họp mở rộng của ủy ban công đoàn toàn Liên hiệp quốc), trong 中华全总工会办公室 (Văn phòng Công đoàn Trung Quốc) ấn phẩm 《建国以来中共中央关于工人运动文件选编》 (Các tài liệu lựa chọn của Ủy ban Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc về các động thái của công nhân kể từ khi thành lập Trung Quốc), Bắc Kinh: 中国工人出版社 (Nhà Xuất bản Lao động Trung Quốc), 1989; You, 60年来中国工会的三次大改革. (Ba cải cách lớn của công đoàn Trung Quốc trong 60 năm qua.)
- [46] Bill Taylor, Chang Kai, và Li Qi, Quan hệ lao động ở Trung Quốc, Cheltenham, UK và Northampton, MA: Edward Elgar, 2003.
- [47] Feng Tongqing 冯同庆, 《工会学: 当代中国工会理论》 (Nghiên cứu công đoàn: Lý thuyết đương đại về công đoàn Trung Quốc), Bắc Kinh: 中国劳动社会保障出版社 (Tập đoàn xuất bản lao động và an sinh xã hội Trung Quốc), 2010.
- [48] Pringle, Công đoàn tại Trung Quốc; Bảo vệ người lao động Quyền hoặc phục vụ đảng: Cách thức cho các công đoàn Trung Quốc, Bản tin Lao động Trung Quốc: Báo cáo nghiên cứu, 03/2009, http://www.clb.org.hk/sites/default/files/archive/en/share/File/research_reports/acftu_report.pdf, 2/11/2016; You, 60年来中国工会的三次大改革. (Ba cải cách lớn của công đoàn Trung Quốc trong 60 năm qua)
- [49] Jonathan Unger và Anita Chan, Trung Quốc, chủ nghĩa tập đoàn và mô hình Đông Á, Tạp chí Trung Quốc 33, 1995: 29-53; Anita Chan, Cách mạng hay chủ nghĩa tập đoàn? Công nhân và công đoàn ở Trung Quốc thời hậu Mao, Tạp chí Quan hệ Trung Quốc - Úc 29, 1993: 31-61.
- [50] Jude A. Howell, Tất cả các Liên đoàn Công đoàn Trung Quốc vượt ra ngoài cải cách? Cuộc tuần hành chậm chạp của cuộc bầu cử trực tiếp, Thời báo Trung Quốc 196, 2008: 845-63.
- [51] Wei Jianxing 尉健行, 《工会的基本职责》 (Nhiệm vụ cơ bản của công đoàn), Bắc Kinh: 中国工人出版社 (Nhà Xuất bản Lao động Trung Quốc), 2009.
- [52] 中共中央关于加强与改善党对工会、共青团、妇联工作领导的通知 (Thông báo của Ủy ban Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc về việc tăng cường và cải thiện hướng dẫn của Đảng đối với các công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản và Liên đoàn Phụ nữ), 21/12/1989, <http://cpc.people.com.cn/GB/64184/64186/66697/4494957.html>, 2/11/2016.
- [53] Để biết thêm về một số cải cách, xem Mingwei Liu, Liên minh tổ chức tại Trung Quốc: Vẫn là một phong trào lao động nguyên khối?, ILR Review: Thời báo Chính sách và Chính trị 64(1), 2010: 30-52.
- [54] Pringle, Công đoàn ở Trung Quốc, 170-80.
- [55] Zhang and Xu, 走向谈判 (Hướng tới đàm phán).
- [56] Minxin Pei, Bẫy chuyển đổi Trung Quốc: Giới hạn của chế độ chuyên chế phát triển, Cambridge, MA: Nhà Xuất bản Đại học Harvard, 2008.
- [57] Như đã lưu ý, các học giả đã rút ra mối liên hệ giữa tranh chấp lao động và chính sách. Xem Chang và Brown, Sự chuyển

đổi từ quan hệ lao động cá nhân sang tập thể ở Trung Quốc; Gallagher và Dong, Lập pháp hoà hợp.

- [58] Tất nhiên, một thành viên công đoàn là một khái niệm mơ hồ trong quan hệ lao động Trung Quốc, bởi vì nhiều công nhân không biết rằng họ là một phần của công đoàn, không có thể công đoàn. Câu trả lời cho loạt câu hỏi này có thể phản ánh nhiều hơn về ngành công nghiệp thống trị tại một thành phố của người trả lời.
- [59] Bài phát biểu của đồng chí Chen Hao trong hội nghị kỷ niệm 30 năm kỷ niệm các chỉ thị quan trọng của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc về việc xây dựng nhà ở của công nhân, 29/03/2013, http://www.360doc.com/content/13/0622/16/7300116_294757640.shtml.

THỰC TRẠNG ĐỘNG CƠ HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN...

(Tiếp theo trang 64)

Về phía giảng viên: Giúp sinh viên tạo động cơ và mục đích học tập bằng cách tìm hiểu nắm được đối tượng trò chuyện đặt câu hỏi kích thích để sinh viên tìm hiểu cái hay của nghề nghiệp mình đang theo học, tạo cơ hội cho sinh viên tìm hiểu thực tế. Sử dụng nhiều hình thức hướng dẫn sinh viên tự học: trực tiếp trên lớp, qua trò chuyện hay sử dụng công nghệ thông tin...; Tổ chức các chuyên đề ngoại khóa, câu lạc bộ vận dụng kiến thức nhằm giải quyết những vấn đề có liên quan nội dung chương trình, phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức dạy học. Giảng viên cần kết hợp hoạt động học tập, hoạt động nghiên cứu khoa học với thực tiễn cuộc sống, thực tiễn nghề nghiệp tương lai của sinh viên. □

Tài liệu tham khảo

1. Trịnh Văn Biều (2010), *Các phương pháp dạy học hiệu quả*, Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh.
2. Thân Trung Dũng (2012), *Động cơ học tập của sinh viên đại học hệ dân sự ở Học viện hậu cần hiện nay*, Đề tài NCKH cấp cơ sở.
3. Vũ Dũng, *Từ điển Tâm lý học* - Viện Tâm lý học - Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, NXB Từ điển Bách khoa.
4. Vũ Quang Hà, *Các lý thuyết xã hội học tập 1-2*, NXB Đại học Quốc gia Hà nội, 2002.
5. Lê Ngọc Hùng, *Lịch sử và lý thuyết xã hội học*, NXB Đại học Quốc gia Hà nội, 2011.
6. Dương Thị Kim Oanh (2009), *Động cơ học tập của sinh viên (Nghiên cứu trên sinh viên các ngành khoa học Kỹ thuật)*, Luận án Tiến sĩ Tâm lý.
7. Phạm Minh Hạc (2002), *Tuyển tập Tâm lý học*, NXB Tri thức, Hà Nội.
8. Khoa Xã hội học - Phân viên báo chí tuyên truyền (2015), *"Động cơ học tập của sinh viên"*, Đề tài NCKH cấp cơ sở.
9. Therese L. Baker, *Thực hành nghiên cứu xã hội*, (sách tham khảo), NXB Chính trị Quốc gia, 1998.